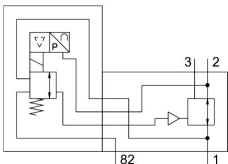


**Bộ điều chỉnh áp suất bằng điện**  
**PREL-90-HP3-V1-A-20CFX-S1-2**  
Số bộ phận: 1709128

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                       | Giá trị                                                                |
|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| Kích thước                     | 90                                                                     |
| Chiều rộng danh nghĩa DN       | 24                                                                     |
| Dòng                           | L                                                                      |
| Vị trí lắp đặt                 | dọc                                                                    |
| Kiểu vận hành                  | điện                                                                   |
| Cấu trúc xây dựng              | van điều chỉnh áp suất điều chỉnh bằng điện                            |
| chức năng điều khiển           | Áp suất đầu ra không đổi<br>có bù áp sơ cấp<br>với hệ thống xả thứ cấp |
| Áp suất vận hành               | 0 MPA...5 MPA<br>0 bar...50 bar                                        |
| Phạm vi điều chỉnh áp suất     | 0.5 bar...20 bar                                                       |
| Điện áp hoạt động danh định DC | 24 V                                                                   |
| Dải tín hiệu đầu ra analog     | 4 - 20 mA                                                              |
| Dải tín hiệu đầu vào analog    | 0 - 10 V                                                               |
| Giá trị định mức/thực tế       | Loại điện áp 0 - 10 V                                                  |
| Giấy phép                      | Chứng nhận kiểm tra thiết bị đặc biệt                                  |
| Môi chất vận hành              | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]<br>Khí trơ                        |
| Lớp chống ăn mòn KBK           | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                                 |
| Tuân thủ LABS                  | VDMA24364 Vùng III                                                     |
| Nhiệt độ bảo quản              | -10 °C...60 °C                                                         |
| Phù hợp với thực phẩm          | xem thông tin tài liệu bổ xung                                         |
| Nhiệt độ trung bình            | 5 °C...50 °C                                                           |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh | 5 °C...50 °C                                                           |
| trọng lượng sản phẩm           | 6100 g                                                                 |
| Cổng nối điện IN               | Phích cắm, M12, 5 cực, được mã hóa A                                   |
| Cổng nối điện OUT              | Phích cắm, M12, 5 chân, được mã hóa A                                  |
| Kiểu gắn                       | trên đơn vị bảo dưỡng<br>với phụ kiện<br>tùy ý:                        |
| Cổng nối khí nén 1             | G1                                                                     |
| Cổng nối khí nén 11            | G1/4                                                                   |

| Đặc tính            | Giá trị        |
|---------------------|----------------|
| Cổng nối khí nén 2  | G1             |
| Cổng nối khí nén 22 | G1/4           |
| Cổng nối khí nén 3  | G1             |
| Cổng nối khí nén 82 | G3/8           |
| Ghi chú vật liệu    | Tuân thủ RoHS  |
| Vật liệu bìa dưới   | Nhôm, anot hóa |
| Vật liệu lò xo      | Thép lò xo     |
| Vật liệu vỏ         | Nhôm, anot hóa |